

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC TỈNH
CÔNG ĐOÀN SỞ TƯ PHÁP

Số: 70/QĐ-CD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan Sở Tư pháp nhiệm kỳ 2021-2022

Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam năm 2013;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

Theo đề nghị của Trưởng Ban Thanh tra nhân dân cơ quan Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan Sở Tư pháp, nhiệm kỳ 2021- 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân và đoàn viên Công đoàn Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công đoàn Viên chức | (Báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Như Điều 2 (Thực hiện);
- Ban Thanh tra nhân dân;
- Lưu CD,BTTND.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Hữu Trúc

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC TỈNH
CÔNG ĐOÀN SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 02 năm 2021

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan Sở Tư pháp nhiệm kỳ 2021- 2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CD ngày 26/02/2021
của Công đoàn cơ quan Sở Tư pháp)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ cấu tổ chức

Ban Thanh tra nhân dân cơ quan Sở Tư pháp (sau đây gọi tắt là Ban Thanh tra nhân dân) do Hội nghị công chức, viên chức cơ quan Sở Tư pháp bầu ra, được Ban Chấp hành Công đoàn Sở Tư pháp công nhận, gồm 05 thành viên là công chức, viên chức đang công tác ở Sở Tư pháp; trong đó, có Trưởng ban và 04 ủy viên, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ban Thanh tra nhân dân

Ban Thanh tra nhân dân làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số và đề cao trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Công tác giám sát thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân được thực hiện trên cơ sở pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời và không làm cản trở hoạt động bình thường của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Mỗi thành viên Ban Thanh tra nhân dân được phân công theo dõi, chịu trách nhiệm chính một số lĩnh vực công tác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân quy định tại Điều 3, Điều 4 thuộc Quy chế này nhưng không làm thay nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị, cá nhân có liên quan và có nhiệm vụ báo cáo công việc do mình phụ trách tại cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Thanh tra nhân dân, trừ trường hợp cần thiết, cấp bách cần báo cáo ngay với Trưởng ban.

3. Trưởng Ban Thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm điều hành công việc chung của Ban Thanh tra nhân dân và phối hợp với các đơn vị trong cơ quan để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức cơ quan Sở Tư pháp và sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Công đoàn Sở Tư pháp, Ban Thanh tra nhân dân có nhiệm vụ sau:

1. Nhiệm vụ giám sát:

a) Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan.

b) Việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước, sử dụng các quỹ, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của cơ quan.

c) Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức; việc thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan.

d) Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật.

đ) Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở cơ quan.

e) Việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc; việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; việc xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị;

h) Những việc khác theo quy định của pháp luật.

2. Xác minh những vụ việc do Giám đốc Sở giao.

3. Tham gia việc thanh tra, kiểm tra của Sở theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền; cung cấp thông tin, tài liệu, cử người tham gia khi được yêu cầu.

4. Kiến nghị với Giám đốc Sở Tư pháp xử lý vi phạm theo thẩm quyền và khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua hoạt động giám sát, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức, người lao động.

5. Kiến nghị Ban Chấp hành Công đoàn Sở Tư pháp và Giám đốc Sở Tư pháp các hình thức động viên, biểu dương, khen thưởng công chức, viên chức, người lao động phát hiện sai phạm và có thành tích trong công tác.

6. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công chức, viên chức, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do pháp luật quy định.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Thanh tra nhân dân

1. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp, hội nghị; chủ trì các cuộc giám sát, xác minh thuộc thẩm quyền của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

3. Đại diện cho Ban Thanh tra nhân dân trong mối quan hệ với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, người đứng đầu cơ quan nhà nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Được mời tham dự các cuộc họp của cơ quan nhà nước, có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban Thanh tra nhân dân.

5. Tham dự các cuộc họp của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở có nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Thanh tra nhân dân

1. Thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm cá nhân đã được phân công trong cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân và báo cáo công việc do mình phụ trách tại các cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân; nếu Ban Thanh tra nhân dân không tổ chức họp được thì các ủy viên báo cáo Trưởng ban bằng văn bản.

2. Bố trí thời gian phù hợp để nghiên cứu, giải quyết các công việc chung của Ban Thanh tra nhân dân; chủ động đề xuất giải pháp xử lý công việc và cùng tập thể Ban Thanh tra nhân dân giải quyết công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp do Trưởng ban triệu tập để giải quyết công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân.

4. Không nói và làm trái các quyết nghị giải quyết công việc đã được thông qua. Trong trường hợp có ý kiến khác với các quyết nghị đó thì vẫn phải chấp hành và được trình bày ý kiến cá nhân của mình tại cuộc họp gần nhất của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 6. Cách thức giải quyết công việc của Ban Thanh tra nhân dân

1. Ban Thanh tra nhân dân giải quyết công việc chủ yếu thông qua thảo luận tại các cuộc họp và quyết nghị tập thể đối với từng vấn đề đặt ra.

2. Đối với một số vấn đề xét thấy không cần thiết phải thảo luận tại cuộc họp hoặc do không có điều kiện tổ chức cuộc họp thì Trưởng ban Thanh tra nhân dân gửi văn bản để lấy ý kiến các thành viên. Trong trường hợp có 2/3 số ý kiến nhất trí thì Trưởng ban Thanh tra nhân dân căn cứ để quyết định giải quyết công việc; nếu dưới 2/3 số ý kiến nhất trí thì vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp gần nhất của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Các vấn đề được thảo luận, nghị quyết tại các cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân có hiệu lực thực hiện khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp nhất trí thông qua.

CHƯƠNG III

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VÀ CUỘC HỌP CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 7. Chương trình công tác của Ban Thanh tra nhân dân

Chương trình công tác của Ban Thanh tra nhân dân được xây dựng hàng năm căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức và sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan Sở Tư pháp.

Điều 8. Cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân

1. Các cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân gồm cuộc họp định kỳ và cuộc họp bất thường. Ban Thanh tra nhân dân họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau; cuộc họp bất thường được triệu tập theo quyết định của Trưởng ban hoặc khi có yêu cầu của ít nhất 1/3 số thành viên.

2. Tại các cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân, ngoài các thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Chủ tịch Công đoàn tham dự để theo dõi, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân và khi cần thiết Lãnh đạo cơ quan Sở Tư pháp tham dự để giải quyết công việc.

3. Các cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

Điều 9. Nội dung cuộc họp Ban Thanh tra nhân dân

1. Thảo luận và thông qua chương trình công tác của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Nghe báo cáo, thảo luận và quyết nghị giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên và của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Kiểm điểm sự chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 10. Chế độ báo cáo

1. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân báo cáo Trưởng ban theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Ban Thanh tra nhân dân thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quý, 6 tháng với Ban Chấp hành Công đoàn; hàng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước Hội nghị công chức, viên chức./.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Trúc